



**VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT
TÁC ĐỘNG TỚI KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH VÀ DỊCH CHUYỂN LAO ĐỘNG
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
(Nghiên cứu trường hợp tỉnh Long An)**

*Nguyễn Thị Thu Thoa**

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-11-2016; ngày phân biên đánh giá: 10-12-2016; ngày chấp nhận đăng: 22-02-2017

TÓM TẮT

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất phù sa màu mỡ, thuận lợi sản xuất nông nghiệp (NN), đặc biệt là chuyên canh cây lúa và cây ăn quả. Mặc dù đứng đầu cả nước về diện tích trồng lúa và sản lượng lúa gạo, nhưng hiện nay, ĐBSCL đang đối mặt với những vấn đề nan giải xuất phát từ thực tiễn ruộng đất và đời sống nông dân. Bài viết phân tích sự ảnh hưởng của vấn đề ruộng đất ở ĐBSCL tới kinh tế hộ gia đình và dịch chuyển lao động với trường hợp tỉnh Long An.

Từ khóa: ruộng đất, nông nghiệp, nông thôn, nông dân, đồng bằng sông Cửu Long.

ABSTRACT

The issue of shifting land ownership affecting the household economy and labour movement in the Mekong Delta (Case study of Long An province)

The Mekong Delta is a fertile alluvial soil area, suitable for agricultural production, especially specializing in rice and fruit-trees. Although considered as the leading area of the country in terms of rice-growing areas and rice production, nowadays, the Mekong Delta is facing difficult issues emerging from the practice of field work and farmer's life. The article analyses the impacts of the land issues in the Mekong Delta on the household economy and labour movement with a case study of Long An province.

Keywords: agrarian land, agriculture, rural area, farmer, the Mekong Delta.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một nước NN. Tình hình phát triển NN của Việt Nam trong thập niên 80 của thế kỉ XX được đánh dấu bằng các chính sách cải cách trong NN của Nhà nước. Đầu tiên là Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, sau là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị ban hành tháng 4-1988 về đổi mới quản lí NN, theo đó ruộng đất từng bước được giao cho người dân quản lí.

Sau năm 1986, Việt Nam đứng trước

nhiều đòi hỏi về sự phát triển NN và xã hội nông thôn. Luật Đất đai năm 1993 lần đầu tiên đã trao cho hộ nông dân quyền sử dụng ruộng đất lâu dài với 5 quyền: quyền chuyển nhượng; quyền chuyển đổi; quyền cho thuê; quyền thừa kế và quyền thế chấp. Luật Đất đai sửa đổi năm 1998, năm 2000, năm 2003, và đặc biệt Luật Đất đai năm 2013 tiếp tục cải cách chính sách về đất đai trên cơ sở giao quyền sử dụng đất cho các cá nhân và hộ gia đình. Hiện nay, diện tích

* Học viện Khoa học Xã hội; Email: thoantt@cntp.edu.vn

đất NN có xu hướng giảm dần. Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ phân mảnh đất đai cao nhất so với khu vực và thế giới. Quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã ảnh hưởng sâu sắc đến vấn đề NN, nông dân và nông thôn, trong đó có đất đai. Sự thay đổi này đã phá vỡ tính yên bình và không gian cộng đồng nông thôn khi xuất hiện ngày càng nhiều những khiếu kiện, xung đột đất đai, gây mất ổn định xã hội. Đây chính là lí do được chúng tôi đặt ra để nghiên cứu sự thay đổi kinh tế hộ gia đình và chuyển dịch lao động khi có sự ảnh hưởng của ruộng đất ở ĐBSCL hiện nay, qua trường hợp tỉnh Long An.

Đối với tỉnh Long An, chúng tôi có đơn vị chọn mẫu cấp một là thành phố Tân An và huyện Cần Đước. Đơn vị chọn mẫu cấp hai là xã. Có hai xã được chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích đó là xã An Vĩnh Ngãi và xã Tân Lâm. Tại mỗi xã, chúng tôi tiến hành điều tra bằng bảng câu hỏi với đại diện 250 hộ gia đình. Như vậy, tổng cộng mẫu điều tra trên hai xã là 500 hộ.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Vấn đề ruộng đất

Ruộng đất là nguồn tài sản quý giá của tất cả các quốc gia NN nói chung và Việt Nam nói riêng; là tư liệu sản xuất đặc biệt và cũng là điều kiện cần thiết đảm bảo cho quá trình tái sản xuất NN, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của nông dân. Vấn đề ruộng đất luôn được Nhà nước quan tâm, bao gồm các nội dung cơ bản như: sở hữu

và dịch chuyển sở hữu ruộng đất; cơ cấu sử dụng đất; phân bố các loại ruộng đất; quy mô và tính chất của ruộng đất; chính sách ruộng đất. Đặc biệt, những thay đổi trong chính sách về đất đai của Việt Nam trong những năm gần đây đã góp phần không nhỏ trong việc tăng nhanh sản lượng NN và phát triển khu vực nông thôn. Khi đất sản xuất NN bị thu hẹp, cơ cấu lao động thay đổi sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của nông dân. Việc chuyển đổi từ đất NN sang đất phi NN là vấn đề cần được xem xét kĩ, có sách lược và chiến lược cụ thể nhằm mục đích phục vụ cho sự phát triển của xã hội Việt Nam.

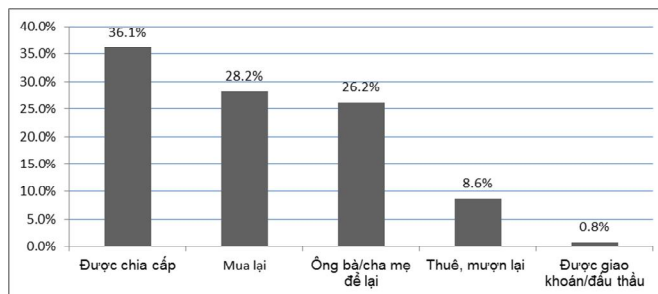
2.2. Vấn đề ruộng đất tác động tới kinh tế hộ gia đình ở ĐBSCL

Để tìm hiểu sự tác động của ruộng đất đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình hiện nay ở ĐBSCL, chúng tôi đã khảo sát về nguồn gốc ruộng đất của các hộ gia đình. Ruộng đất ĐBSCL từ xa xưa chủ yếu do nông dân khai khẩn, vì vậy chế độ sở hữu ruộng đất ở vùng đất này chủ yếu là tư nhân. Ngày nay ruộng đất của các thế hệ con cháu phần lớn đều do ông, bà, cha, mẹ để lại hoặc do mua bán mà có.

Trong cuộc điều tra nông thôn năm 2009 - 2010 của Viện Xã hội học, kết quả cho thấy có hơn 70% nông hộ ở ĐBSCL sở hữu ruộng đất do ông bà hoặc cha mẹ để lại và hơn 34% sở hữu ruộng đất do mua lại của hộ khác (xem Biểu đồ 1). Trong khi đó, ở châu thổ sông Hồng, chỉ có 3% nông hộ sở hữu đất do cha mẹ để lại và 1% nông hộ sở hữu đất do mua lại của người khác [2, tr.12].

Biểu đồ 1. Nguồn gốc đất của các hộ gia đình

Đơn vị tính: %



Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện.

Số liệu khảo sát cho thấy diện tích đất của các hộ gia đình được chia, cấp chiếm số lượng cao nhất là 36,1%. Việc chia, cấp đất này đa phần diễn ra trong gia đình do cha, mẹ chia cấp cho con cái, quy mô và cơ cấu sử dụng đất tác động rất lớn đến kinh tế hộ gia đình. Đối với khu vực miền Nam, phong tục của người Nam Bộ là chia đất cho các con khi họ lập gia đình và ra ở riêng. Tùy thuộc vào diện tích đất của cha, mẹ nhiều hay ít mà phần được chia của các con sẽ biến động. Việc chia đất có sự phân biệt giữa con trai và con gái trong gia đình, con gái được chia ít hơn con trai. Khi chia đất xong cho các con, cha mẹ thường giữ lại một phần đất cho riêng mình (nhiều hơn các phần chia) và người ở cùng cha mẹ, thường là con út (*Điều này chúng tôi cho rằng có thể khác so với miền Bắc – cha mẹ khi già yếu thường ở với con cả*). Người con này khi lập gia đình vẫn ở nhà cha, mẹ làm việc trên mảnh đất này và có nghĩa vụ chăm lo cha, mẹ.

Đất mua lại từ các hộ nông dân khác nhau chiếm vị trí thứ hai là 28,2%, đất của các nông hộ được hưởng thừa kế từ ông bà, cha mẹ chỉ chiếm thứ ba là 26,2%. Một chủ hộ, 63 tuổi đang sống tại xã An Vĩnh Ngãi

thành phố Tân An, tỉnh Long An cho biết: “Đất hiện nay của gia đình ông được hưởng thừa kế từ cha ông và ông đang sống với con trai út, sau này ông chết, ông sẽ cho con trai út của ông để thờ cúng tổ tiên”. (*PVS, nam: 62 tuổi, học vấn: lớp 3, chủ hộ*). Khảo sát một chủ hộ ở xã Tân Lâm, đang sống cùng con trai út, người này cũng có quan điểm: con trai út sẽ thờ cúng cha mẹ sau này. (*PVS, nữ: 50 tuổi, học vấn: lớp 12, chủ hộ*). Phải chăng đây là *Tập quán của gia đình Nam Bộ, cha mẹ khi về già thường ở chung với con trai út*. Cách chọn lựa trên đây thường tỏ ra ngược hẳn với xu hướng chọn lựa của cha mẹ ở Bắc Bộ. Kết quả điều tra tại hai xã Tam Sơn và Đồng Kỳ (huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) vào năm 2005-2006 cho thấy, khi được hỏi rằng “Về già thích sống với ai?”, có 39% trả lời là thích sống với con trai trưởng. [12]

Ruộng đất thực sự là một loại hàng hóa và quá trình trao đổi hàng hóa này diễn ra khá sôi động, nếu so sánh với miền Bắc, chúng ta thấy có sự khác biệt khá lớn: (i) diện tích ruộng đất trên đầu người rất ít, (ii) ruộng đất này đa phần do Nhà nước cấp, (iii) ruộng đất do Nhà nước cấp nên nông dân không được chuyển nhượng, trao đổi. Khảo sát cũng cho thấy, hiện nay có những

hộ gia đình mặc dù sở hữu diện tích ruộng đất rất lớn (từ 50.000m² - 100.000m²) nhưng vẫn “tham vọng” được mua thêm đất.

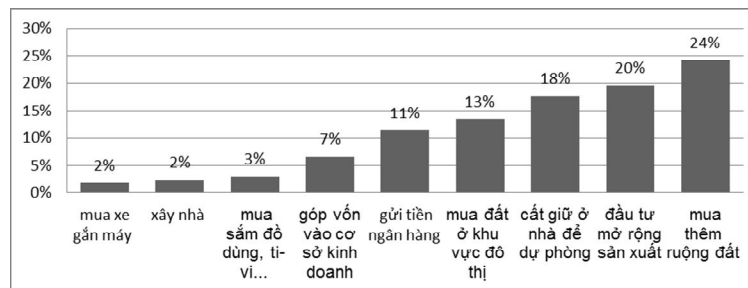
Đối với nông dân ĐBSCL, việc mua thêm ruộng đất (tích tụ ruộng đất tư nhân) bắt nguồn từ các lí do sau: Tâm thức ruộng đất của nông dân vẫn còn ảnh hưởng; giá đất ngày càng tăng cao do quá trình đô thị hóa “mua vàng thì lỗ, mua thổ thì lời”; một bộ phận nông dân không còn mặn mà với việc làm nông nên bán đất, chuyển đổi nghề nghiệp; một bộ phận gia đình thiếu lao động làm nông (con cái khi lớn đều được học hành và làm việc tại các đô thị lớn hoặc làm công nhân trong các khu công nghiệp); một bộ phận nông dân nhay bén, năng động, sáng tạo nên làm giàu nhanh chóng, có điều kiện tích tụ ruộng đất hình thành kinh tế trang trại. Tại xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An có mô hình kinh tế trang trại kết hợp trồng trọt và chăn nuôi. Bên cạnh đó, việc dồn điền, đổi thửa để phát triển kinh tế nông hộ hay mở nhiều dịch vụ của hợp tác xã NN là hình thức phổ biến mà nhiều tỉnh đã và đang làm. Nhiều gia đình đã tự nguyện góp đất, góp vốn mua máy móc lập tổ hợp tác sản xuất. Nhà

nước hỗ trợ vốn để mua máy móc, thực hiện cơ giới hóa NN. Đây là một hình thức tích tụ hợp lí ruộng đất và sẽ hoàn thiện dần từ thấp đến cao, từ ít đến nhiều, theo chuỗi giá trị từ tổ hợp tác sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm (mô hình liên kết nông - công - thương).

Với câu hỏi: *Giả sử trường hợp có được một món tiền tương đối lớn, ông/bà nghĩ sẽ ưu tiên dùng vào việc gì?* Có 24% đối tượng khảo sát chọn mua thêm ruộng đất và đây cũng là kết quả cao nhất, thể hiện tâm thức ruộng đất của người nông dân ĐBSCL. Xếp thứ hai là đầu tư mở rộng sản xuất chiếm 20%, trong đó có trên 80% đầu tư liên quan đến sản xuất NN (mua máy móc, vật tư NN). Việc mua đất ở khu vực đô thị (13%) cũng được người dân quan tâm do đa phần người trẻ không tâm huyết với việc làm nông, hoặc do những người muốn đoàn tụ cùng con cháu tại các đô thị. Có 11% đối tượng khảo sát lựa chọn khi có tiền sẽ gửi ngân hàng và 18% sẽ cất giữ tiền để dự phòng (trong đó 92% lựa chọn cất giữ tiền để đầu tư mua đất), trong khi đó, vấn đề mua sắm trang thiết bị gia đình như xe máy, tivi chỉ có 2% đến 3% người dân lựa chọn (xem Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2. Xu hướng đầu tư (Giả sử trường hợp có được một món tiền tương đối lớn, ông/bà nghĩ sẽ ưu tiên dùng vào việc gì?)

Đơn vị tính: %

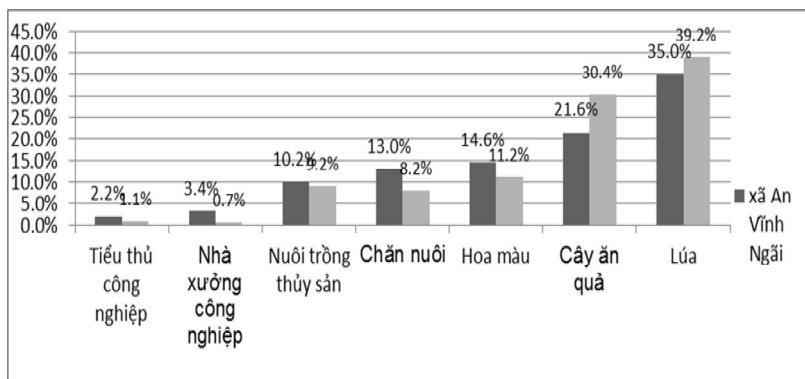


Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy tổng diện tích đất NN của xã Tân Lâm lớn hơn xã An Vĩnh Ngãi. Diện tích đất trồng lúa của xã Tân Lâm nhiều hơn xã An Vĩnh Ngãi (xã Tân Lâm là 39,2% và xã An Vĩnh Ngãi là 35%). Hiện nay đã có một số cánh đồng mẫu lớn được triển khai tại xã Tân Lâm. Ngược lại, diện tích đất sử dụng cho công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của xã An Vĩnh Ngãi cao hơn xã Tân Lâm (5,6% và 1,8%). Điều này phù hợp với giả thuyết chúng tôi đặt ra, đó là chính sách ruộng đất tác động tới sự chuyển biến về quan hệ ruộng đất trong NN, đặc biệt là các yếu tố công nghiệp hóa, hiện đại hóa NN đã tác động tới quá trình thay đổi về ruộng đất ở ĐBSCL trong giai đoạn hiện nay (xem Biểu đồ 3).

Biểu đồ 3. Mục đích sử dụng đất tại hai xã An Vĩnh Ngãi và xã Tân Lâm

Đơn vị tính: %



Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện.

Số hộ có nhiều ruộng đất chủ yếu tập trung ở xã Tân Lâm và việc sở hữu từ 80.000m² đất NN trở lên cũng chỉ có ở xã Tân Lâm; số hộ sở hữu từ 8000m² đất trở lên ở xã Tân Lâm thường cao hơn xã An Vĩnh Ngãi; số hộ sở hữu từ 1000m² đến 8000m² ở hai xã là tương đương nhau; số hộ ít đất, không có đất ở xã An Vĩnh Ngãi chiếm tỉ lệ cao hơn.

Trước đó, năm 1978, số liệu điều tra của Ban Cải tạo NN miền Nam và Tổng cục Thống kê cho thấy có 7,8% hộ nông dân không đất tại xã (điều tra) ở Kiên Giang, 5,2% tại xã (điều tra) ở Đồng Tháp, 1,3% tại xã (điều tra) ở Tiền Giang. Đến năm 1998, theo khảo sát của tác giả Lê Du

Phong, số hộ nông dân không đất ở ĐBSCL chiếm 4,41%, trong đó tình hình giữa các tỉnh khá chênh lệch nhau, như Bạc Liêu 13,3%, Cà Mau 8,2%, Đồng Tháp 7,2%, Sóc Trăng 6,6%, Kiên Giang 6,6%, An Giang 5,4%, Vĩnh Long 5,2%... [7, tr.21]

Những số liệu trên phản ánh tình hình chuyển dịch lao động từ NN sang các ngành công nghiệp, dịch vụ và thương mại, nhất là nơi có những hộ nghèo trước đây chuyên đi làm thuê trong NN. Chính vì vậy, ngày càng khan hiếm lao động làm thuê NN ở ĐBSCL, nhất là vào những lúc cao điểm của mùa vụ. Có thể nói, quá trình phân hóa tầng lớp ở nông thôn Nam Bộ

trong những năm qua tuy vẫn tiếp diễn, nhưng xu hướng phân hóa diễn ra còn khá mỏng.

2.3. Thực trạng chuyển dịch lao động tại ĐBSCL

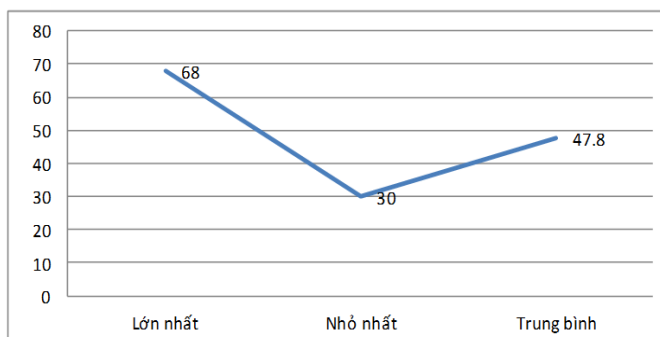
Lao động có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến kinh tế xã hội. Chính vì vậy, việc khảo sát nguồn lao động để có chiến lược phát triển phù hợp với nhu cầu xã hội là rất cần thiết. Kết quả điều tra của Trường Đại học Cần Thơ cho thấy số người trong độ tuổi lao động ở ĐBSCL

theo nhóm tuổi từ 15-30; từ 30-45 và từ 45-60 có tỉ trọng lần lượt là 20,99%; 60,17% và 18,84%. Số người trong độ tuổi từ 30 đến 45 tuổi chiếm tỉ trọng cao nhất và đây là nguồn nhân lực tốt, thuận lợi cho việc cung ứng lao động trong phát triển kinh tế xã hội. [3, tr.291]

Kết quả điều tra số người trong độ tuổi lao động tại hai xã An Vĩnh Ngãi và Tân Lân thuộc tỉnh Long An thì cao nhất là 68 tuổi, thấp nhất là 30 tuổi, trung bình là 47,8 tuổi (xem Biểu đồ 4).

Biểu đồ 4. Độ tuổi lao động NN

Đơn vị tính: Tuổi



Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện

Xem xét mối tương quan giữa độ tuổi và các câu hỏi liên quan đến nghề nghiệp cho thấy có một tỉ lệ người ngoài độ tuổi lao động đang tham gia vào các hoạt động tạo thu nhập cho gia đình. Hiện nay ở ĐBSCL, người dân có xu hướng làm việc quá tuổi hơn là làm việc trước tuổi lao động, tỉ lệ lao động dưới 15 tuổi không đáng kể và tập trung chủ yếu vào nhóm trẻ em nam, lao động ngoài độ tuổi tập trung chủ yếu vào các công việc thuộc về nghề nông. Nếu tính theo độ tuổi của nữ (trên 55 tuổi) thì có tới hơn 30% lao động ngoài độ

tuổi đang làm NN, còn nếu tính những người từ 60 tuổi trở lên thì có 15,7% số lao động vẫn làm NN.

Số người trong độ tuổi trung bình từ 40-50 tuổi chiếm tỉ trọng cao nhất và là nguồn nhân lực chính trong việc cung ứng lao động cho phát triển kinh tế xã hội tại tỉnh Long An. Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ tại miền Tây Nam Bộ năm 2008 và miền Đông Nam Bộ năm 2010 đã nghiên cứu từ cuộc điều tra cơ bản và làm rõ vấn đề này. Tuổi bình quân của lao động NN ở Tây Nam Bộ là 40,7 tuổi (so với 33,6

tuổi lao động làm các nghề phi NN), còn ở Đông Nam Bộ là 41,3 tuổi (so với 34,9 tuổi nơi lao động phi NN) [11]. Vậy tuổi của số lao động làm nghề nông tương đối cao hơn so với lao động các ngành nghề khác ở tỉnh Long An.

Trong 500 hộ gia đình được khảo sát

tại tỉnh Long An, việc sử dụng lao động trong NN còn được thể hiện qua hai tiêu chí: Số người trong gia đình trực tiếp làm NN và độ tuổi trung bình so với cơ cấu thu nhập trong gia đình từ các ngành nghề khác nhau, trong đó có NN. Kết quả như Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Khảo sát nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình

Đơn vị tính: %

	Tần suất	%
Làm nông	327	65,4
CNVC	76	15,2
Kinh doanh	32	6,4
Hưu trí	9	1,8
Thợ thủ công	32	6,4
Khác	24	4,8
Tổng	500	100

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện

Lực lượng lao động trong lĩnh vực NN chiếm 65,4% tổng số mẫu khảo sát (độ tuổi 40 trở lên) cho thấy đây là địa phương thuần NN. Người dân sinh sống chủ yếu bằng nghề nông. Ở ĐBSCL, trong số lao động nông lâm nghiệp và thủy sản, tỉ lệ của nhóm 20-29 tuổi từ 29,0% năm 2006 giảm còn 24,6% năm 2011 (giảm 4,45% trong vòng 5 năm, mức giảm cao nhất trong cả nước), tỉ lệ của những nhóm tuổi lớn hơn thì gia tăng. Ở Đông Nam Bộ cũng diễn ra hiện tượng này nhưng với mức độ ít hơn, tương tự như xu hướng trên cả nước [11]. Rõ ràng lực lượng lao động NN ở Nam Bộ đang có chiều hướng *già đi*. Sở dĩ xảy ra tình hình này, theo chúng tôi, chủ yếu là do hai nguyên nhân chính: (i) lao động trẻ

(đặc biệt là lớp dưới 30 tuổi) có xu hướng rời bỏ nghề nông để chuyển sang các ngành nghề phi NN; (ii) lao động trẻ chuyển ra thành thị làm công nhân hoặc lao động tự do.

Trong lúc nông nhàn và trong thời điểm giao nhau giữa các mùa vụ, các hộ gia đình thường kết hợp sản xuất NN với các nghề tiểu thủ công nghiệp như: làm nhang, tách vỏ hạt điều... nhằm cải thiện kinh tế, tăng thu nhập (6,4%). Số lượng lao động đi làm công nhân tại các địa phương khác chiếm 15,2% (xếp thứ 2). Từ kết quả đó có thể thấy một bộ phận người dân rời xa sản xuất NN để trở thành công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp với mong muốn có được công việc nhẹ nhàng, ổn

định và thu nhập tốt hơn.

Thực ra, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện tượng lao động trẻ ngày càng rời khỏi nghề nông khiến cho độ tuổi lao động NN ngày càng cao cũng là xu hướng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Những số liệu trên cho thấy mức độ di động nghề nghiệp đã và đang diễn ra với cường độ khá mạnh mẽ ở nông thôn. Hiện tượng này không chỉ trong nội bộ nông thôn mà còn là trong mối quan hệ tương tác chặt chẽ về mặt dân số giữa nông thôn với thành thị ở Nam Bộ, đặc biệt là ở ĐBSCL.

Hiện tượng thừa nhưng thiếu lao động trong NN ở ĐBSCL hiện nay là một vấn đề khá nóng của xã hội. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã có tác động mạnh như một yếu tố tạo cầu cho lao động phi NN và sẽ kéo theo quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động. Về cơ bản, việc chuyển dịch lao động nói chung và chuyển dịch từ lao động NN sang lao động phi NN nói riêng gắn kết chặt chẽ với những đặc điểm của người lao động, của hộ gia đình nơi họ đang sinh sống cũng như của cộng đồng xung quanh và giữa chúng có sự tương tác qua lại rất mật thiết. Qua đó, mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm ở nông thôn cũng ngày càng trở nên cấp thiết hơn.

Lao động xuất phát từ hộ gia đình, các thành viên chuyển dịch lao động từ NN sang phi NN sẽ đối mặt với sự sụt giảm sức lao động phục vụ cho việc sản xuất của họ nhưng thường có thu nhập tăng thêm đáng kể. Kết quả điều tra cho thấy: có khoảng 85% hộ gia đình được phỏng vấn cho rằng

trong năm có nhận tiền từ người lao động phi NN gửi về, trung bình một năm mỗi hộ gia đình nhận khoảng 10,8 triệu đồng từ người lao động phi NN trong gia đình. Đó là những khoản đóng góp không nhỏ cho thu nhập của hộ có lao động di cư. Cụ thể có 37% hộ có nhận được số tiền từ 10 đến 15 triệu đồng/năm, 25% hộ gia đình được nhận trên 15 triệu đồng/năm, 21% hộ gia đình nhận từ 5-10 triệu đồng/năm và 16,27% nhận ít hơn 5 triệu đồng/năm.

Chuyển dịch lao động và hoạt động sản xuất kinh doanh không bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi nghề nghiệp, nơi làm việc của nông dân nhưng lại có ảnh hưởng đến những mặt khác như việc học hành của những thành viên, đời sống vật chất của hộ gia đình. Những lao động chuyển dịch này gửi tiền về cho gia đình, số tiền này nông hộ có thể dùng để chăm lo cho những thành viên đi học, mua sắm phương tiện sinh hoạt trong gia đình hoặc người lao động gửi những tài sản bằng hiện vật, phương tiện cuộc sống nên đời sống vật chất của hộ có lao động chuyển dịch sẽ tăng lên. Có đến 29,38% số hộ cho rằng chuyển dịch lao động ảnh hưởng đến việc học hành của những thành viên trong hộ ở mức tốt đến rất tốt và 39,18% số hộ được khảo sát cho rằng đời sống vật chất được cải thiện theo hướng tốt hơn. Khi đời sống vật chất được nâng lên thì đời sống tinh thần, tình cảm trong nông hộ cũng được cải thiện tốt hơn và trong đó có 43,82% số hộ cho rằng đời sống tinh thần, tình cảm được cải thiện ở mức tốt hơn, chỉ có 7,22% số hộ cho rằng đời sống tinh cảm bị xấu đi do

con cái, anh chị em đi làm xa thì sự gần gũi, quan tâm lẫn nhau bị giảm đi.

Vấn đề ruộng đất và nông dân ở ĐBSCL nhìn từ trường hợp xã An Vĩnh Ngãi và xã Tân Lâm tỉnh Long An, về cơ bản là số lượng lao động trong lĩnh vực NN đang giảm dần và độ tuổi người làm NN đang già đi, thiếu lực lượng kế thừa. Diện tích đất NN đang bị thu hẹp, đồng thời diễn ra quá trình tích tụ ruộng đất hình thành các trang trại NN và các cánh đồng mẫu lớn. Sự chênh lệch về thu nhập diễn ra giữa nhóm ngành NN và phi NN, giữa những người nông dân với nhau. Tình trạng nông dân mất đất và phải làm thuê trên chính mảnh đất của họ, hình thành tầng lớp công nhân NN. Về cơ bản vẫn là xã hội tiểu nông nhưng có sự xuất hiện và ảnh hưởng của cơ chế kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế.

3. Kết luận

Sự phát triển là quá trình cấu trúc lại nền sản xuất xã hội, biến NN và các ngành, các lĩnh vực khác nhau thành những lĩnh vực, những ngành công nghiệp đặc thù. Sự

phát triển của NN, nông thôn được quyết định bởi sự thay đổi trong phương thức sản xuất, của kết cấu kinh tế gắn với công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế. Nói khác đi, NN, nông thôn chuyển biến chịu sự chi phối của các quy luật thị trường; do đó, giải quyết các vấn đề NN, nông dân và nông thôn không chỉ bó hẹp trong nội bộ nông thôn và NN, mà cần phải xây dựng quan niệm phát triển thành thị và nông thôn song hành với nhau, xóa bỏ ngăn cách giữa thể chế nông thôn với thành thị, phải đưa vấn đề phát triển NN, nhất là NN công nghệ cao vào trong bố cục phát triển kinh tế quốc dân, đưa tiến bộ nông thôn vào tiến bộ chung của toàn xã hội. Phải xem xét mục tiêu gia tăng thu nhập của nông dân trong hệ thống phân phối và tái phân phối thu nhập quốc dân. Có như vậy mới hi vọng giải quyết tận gốc bản chất các vấn đề của NN, nông dân và nông thôn. Quan điểm này thể hiện sự gắn kết trên quy mô tổng thể của toàn nền kinh tế, của các ngành và địa phương đến NN, nông dân và nông thôn ở Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (1990), “Về sự chuyển biến cơ cấu xã hội và định hướng giá trị ở nông thôn trong quá trình đổi mới kinh tế”, *Tạp chí Xã hội học*, số 4 (32)-1990, tr.9-10.
2. Bùi Quang Dũng, Đặng Thị Việt Phương (2011) “Một số vấn đề ruộng đất qua cuộc điều tra nông dân 2009 – 2010”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 9, tr.12-16.
3. Võ Thanh Dũng, Nguyễn Văn Sánh, Nguyễn Phú Sơn và Phạm Hải Bửu (2010), “Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn và tác động của sự dịch chuyển này đến nông hộ ở Thành phố Cần thơ”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 16b.
4. Đỗ Thái Đồng (2001), *Phát triển nông thôn*, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM.
5. Vũ Trọng Khải (2008), “Tích tụ ruộng đất – trang trại và nông dân”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 365, tháng 10-2008, tr.59.
6. Bùi Minh, Bé Quỳnh Nga, Đặng Thị Việt Phương (2012), “Ruộng đất, nông dân và mấy vấn đề phát triển nông thôn”, *Tạp chí Xã hội học*, số 3(119), tr.30.

7. Lê Du Phong (1998), “Hộ nông dân không đất và thiếu đất sản xuất ở đồng bằng sông Cửu Long – Thực trạng và kiến nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 243, tháng 8, tr.21.
8. Trần Hữu Quang (1982), “Nhận diện cơ cấu giai cấp ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 4, tháng 8-1982, tr.31.
9. Lê Thanh Sang, Bùi Thế Cường (2010), “Phân bố và chuyển dịch đất nông nghiệp của hộ gia đình ở Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 4 (140), tr.29-32.
10. Nguyễn Văn Tuất (1993), “Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Cộng sản*, số 445, tháng 1, tr.51.
11. Viện Phát triển vùng Nam Bộ (2008), Đề tài “*Cơ cấu xã hội, văn hóa, và phúc lợi xã hội*”.
12. http://en.ios.vass.gov.vn/noidung/tapchi/Documents/Baitapchi/TCXHH2009/So1/So1_2009_MaiVanHai.pdf